TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/DS-ST
Ngày: 26/7/2019
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng mua bán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lê Thanh Trúc

- *Hội thẩm Nhân dân:* 1. Ông Lý Văn Til

2. Ông Bạch Văn Em

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phục Hưng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Bích Tuyền - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 150/2016/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Dương Nhựt L**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Hòa, xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

* *Bị đơn:* Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Phước A, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Trần Thị Út H**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Phước A, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Dương Nhựt L trình bày:

Thông qua chổ quen biết, ông Trần Thanh T đã đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Bích Linh do tôi làm chủ để mua thiếu tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật từ ngày 25/4/2014 đến ngày 26/7/2014 với tổng số tiền 66.954.000 đồng, ông T hứa trả nhiều lần nhưng không thực hiện. Đến ngày 08/10/2014, tôi đến gặp ông T và yêu cầu trả cho tôi số tiền nêu trên nhưng ông T không trả nên hai bên đã làm giấy xác nhận nợ với số tiền 68.000.000 đồng (vì không nhớ số tiền cụ thể), sau đó, ông T và người thân có trả cho tôi 8.298.000 đồng, ông T hứa sẽ trả hết nợ cho tôi vào ngày 15/11/2014 nhưng từ đó đến nay không thực hiện. Nay ông yêu cầu ông T và vợ ông T là bà Trần Thị Út H trả cho ông số tiền 58.656.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/7/2014 đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Dương Nhựt L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Thị Út H và không yêu cầu tính lãi. Ông Trần Thanh T và bà Trần Thị Út H vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thời gian giải quyết vụ án đã quá hạn luật định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là *"tranh chấp hợp đồng mua bán"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Thanh T và bà Trần Thị Út H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt ông Trần Thanh T và bà Trần Thị Út H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Nhựt L: Tại phiên tòa, ông L yêu cầu ông T trả số tiền 58.656.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 08/10/2014 có chữ ký tên của ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà Út H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại biên bản xác minh ngày 02/7/2019, bà Trần Thị Thanh H1 (em ruột của ông T) cho biết ông T và bà Út H biết việc ông L khởi kiện nhưng bận đi làm xa không về được, bà H1 cũng biết việc ông T nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông L nhưng không rõ số tiền bao nhiêu. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ lời khai của bà H1 và chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì phía ông T biết rõ ông L khởi kiện nhưng không có bất kỳ văn bản nào gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình về sự đồng ý hay phản đối đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu là xem như từ bỏ quyền chứng minh nên cần buộc ông T trả nợ cho ông L là phù hợp. Về tiền lãi, ông L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 430; 440; 466; 468 Bộ luật dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Nhựt L. Buộc ông Trần Thanh T trả cho ông Dương Nhựt L số tiền 58.656.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh T phải nộp 2.932.800 đồng. Ông Dương Nhựt L được nhận lại 1.466.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000578 ngày 17/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc